|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn: 18/10/2024** | **Dạy** | **Ngày** | **29/10/2024**  **31/10/2024** |
| **Tiết** | **1,2** |
| **Lớp** | **7B** |

Trần Thị Thanh Mai-086.929.1594-THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hải Phòng

**Tuần: 08 Tiết: 29,30**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**

**BẠCH TUỘC**

**( Trích “ Hai vạn dặm dưới đáy biển” - Giuyn Vec- nơ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba).

- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.

- Nhận biết và vận dụng được phó từ và số từ vào đọc hiểu nói và nghe có hiệu quả

- Viết được bài văn biểu cảm về con người và sự vật .

- Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi.

**2. Năng lực**

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

**-** Biết cách đọc hiểu một văn bản khoa học viễn tưởng.

- Xác định được ngôi kể trong văn bản.

- Phân tích được đề tài, sự kiện,tình huống và nhân vật, bối cảnh truyện.

- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**3. Phẩm chất:**

**Trách nhiệm**: Dũng cảm đối mặt với khó khăn để thực hiện ý tưởng thích khám phá, thích tưởng tượng sáng tạo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:**

Máy tính, máy chiếu, bảng KWLH

**2. Học liệu**:

Vi deo tư liệu, SGK, sách tham khảo, phiếu học tập.

**III. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU/KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi tri thức nền, tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh bước vào giờ học

**b**. **Nội dung:** Cho học điền bảng K

**c. Sản phẩm:** Nội dung thông tin liên quan đến truyện khoa học viễn tưởng mà học sinh muốn biết, đã biết, mong muốn biết:

**d.Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV treo bảng KWLH, đồng thời phát cho học sinh phiếu nhỏ và yêu cầu HS điền thông tin vào bảng với cột K,**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cột K:**  Liệt kê những điều em đã biết về truyện khoa học viễn tưởng | **Cột W:** Liệt kê những điều em muốn biết thêm về truyện khoa học viễn tưởng | **Cột L:** Liệt kê những điều em đã biết được từ học bài học về truyện khoa học viễn tưởng | **Cột H:** Liệt kê những điều em sẽ tiếp tục tìm hiểu về truyện khoa học viễn tưởng. |
| ..................  ................... | ........................  ......................... | ........................  ........................ | ..............................  .............................. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện cá nhân điền bảng (phiếu) chia sẻ thông tin vào cột K, L

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày ý kiến nội dung cột K, L

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV kết luận, dẫn dắt vào bài

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**HOẠT ĐỘNG 2.1. TÌM HIỂU KIẾN THỨC NGỮ VĂN VỀ TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG**

**a. Mục tiêu**

Học sinh nắm được kiến thức ngữ văn về truyện khoa học viễn tưởng

**b. Nội dung**: Học sinh căn cứ SGK, hiểu biết của bản thân nêu đặc điểm truyện khoa học viễn tưởng và chia sẻ những truyện khoa học viễn tưởng mà bản thân đã đọc, đã nghe giới thiệu.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời thể hiện sự hiểu biết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động**  **của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Cá nhân:  Chia sẻ những hiểu biết của em về truyện khoa học viễn tưởng:  - Khái niệm  - Đề tài  - Sự kiện  - Tình huống  - Cốt truyện  - Nhân vật  - Bối cảnh  Em đã đọc truyện khoa học viễn tưởng nào? Ấn tượng của em về truyện đã đọc, nó dựa trên chứng cứ khoa học nào?  **Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK/58 tìm câu trả lời  **Bước 3. Báo cáo thảo luận**  Học sinh trả lời cá nhân câu  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV kết luận đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng qua sơ đồ.  GV giới thiệu cho HS một số truyện khoa học viễn tưởng nổi tiếng và cho các em thấy: đến với thế giới truyện khoa học viễn tưởng sẽ cho con người niềm khát khao khám phá, sáng tạo, sự dũng cảm trên hành trình đi tìm chân lí | **I. KIẾN THỨC NGỮ VĂN**  **1. Khái niệm:**  - Truyện khoa học viễn tưởng là những tác phẩm văn học mà ở đó, tác giả tưởng tượng, hư cấu dựa trên thành tựu của khoa học công nghệ.  - Truyện khoa học viễn tưởng rất ít khi chứa các yếu tố thần kì, siêu nhiên mà luôn dựa trên những kiến thức hoặc lí thuyết khoa học tự nhiên tại thời điểm tác phẩm ra đời.  **2. Đặc điểm**  **\* Đề tài**: Thường gắn với các lĩnh vực khoa học như công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng trái đất.  **\* Sự kiện**: Từ sự kiện có thật, nhà văn tưởng tượng ra nội dung câu chuyện:  Ví dụ: Từ việc bắt đầu có tàu ngầm thô sơ, Véc- biw đã tưởng tượng ra con tàu No-ti-lớt (Nautilus) có đặc điểm như một tàu ngầm hiện đại.  \* **Tình huống**: Đột ngột bất ngờ, có phần li kì mạo hiểm.  **\* Cốt truyện**:  - Gắn với các sự kiện khoa học công nghệ  - Các sự kiện “đi trước thời gian”  - Những tình huống táo bạo bất ngờ  **\* Nhân vật:**  - Những con người thông thái (nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế…)  **\* Bối cảnh:** Gắn với đề tài của truyện  Ví dụ: Câu chuyện trong tiểu thuyết “Hai vạn dặm dưới đáy biển” diễn tra trong nhiều ngày, nhiều thời điểm, ở một không gian biển cả rộng lớn (hai vạn dặm) hoành tráng và bí hiểm.  **3. Một số truyện khoa học viễn tưởng nổi tiếng**   |  | | --- | | **“Người máy có mơ về cừu điện không?”** Là tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của nhà văn Mỹ Philip K. Dick, được xuất bản lần đầu vào năm 1968 | | **“Cỗ máy thời gian**  Tiểu thuyết thuộc thể loại khoa học viễn tưởng của nhà văn H. G. Wells, được xuất bản vào năm 1895. | | “The Martian”- “Người trở về từ sao hỏa” là một tiểu thuyết khoa học viễn tưởng đầu tay năm 2011 do Andy Weir viết. Cuốn sách ban đầu được tự xuất bản trên blog của Weir, ở định dạng được đăng nhiều kỳ. Năm 2014, cuốn sách được tái bản sau khi Crown Publishing Group mua bản quyền xuất bản độc quyền. [Wikipedia (tiếng Anh](https://en.wikipedia.org/wiki/The_Martian_(Weir_novel))) | | **“Nơi khu rừng chạm tới những vì sao”**Tác giả: [Glendy Vanderah](https://tiki.vn/author/glendy-vanderah.html) Đứng thứ 11 trong [Top 1000 Truyện Giả tưởng - Huyền Bí - Phiêu Lưu bán chạy](https://tiki.vn/bestsellers-month/truyen-gia-tuong-huyen-bi-phieu-luu/c840) | | **“Một chín tám tư”** là tên một tiểu thuyết dystopia phát hành năm 1949 của nhà văn người Anh George Orwell. Kể từ khi ra đời vào năm 1949, “Một chín tám tư” đã được xem là tác phẩm kinh điển về tư tưởng chính trị và khoa học giả tưởng. | |

**HOẠT ĐỘNG 2.2. TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

**a. Mục tiêu:** Học sinh biết được đôi điều về nhà văn Giuyn Vec-nơ, tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”.

Học sinh nhận biết một số yếu tố về hình thức của truyện viễn tưởng (tình huống, cốt truyện, nhân vật…) và nhận diện được đề tài của tác phẩm.

**b. Nội dung**: Dùng kĩ thuật động não, trình bày một phút cùng với thảo luận cặp đôi tổ chức học sinh tìm hiểu thông tin chung về tác giả, tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn thiện, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:** Học sinh thực hiện cá nhân và cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ phiếu học tập 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 1:**  **TÌM HIỂU THÔNG TIN CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**  **(1) Chia sẻ những hiểu biết của em về tác giả Giuyn Véc-nơ.**  **(2) Giới thiệu về tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”.**  + Tác phẩm viết về ai, về sự kiện( đề tài) gì?  + Yếu tố nào của văn bản cho biết tính chất tưởng tương lai xa so với thời điểm tác phẩm ra đời?  + Những yếu tố nào cho thấy người viết có những hiểu biết dựa vào thành tựu của khoa học, không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyền thuyết, cổ tích?  **(3) Chia sẻ những hiểu biết của bản thân em về văn bản “Bạch tuộc” trên cơ sở các ý sau:**  + Nêu xuất xứ của văn bản  + Cách đọc văn bản.  + Đề tài, ý nghĩa nhan đề  + Ngôi kể và tác dụng của ngôi kể  + Tình huống hấp dẫn được mô tả trong văn bản .  + Nhân vật xuất hiện trong văn bản  + Nêu bối cảnh mà các nhân vật xuất hiện | | |
| **1.Tác giả** | Thân thế, cuộc đời  Sự nghiệp sáng tác | ......................................  ...................................... |
| **2.Tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển**” | Tác phẩm viết về ai, về sự kiện gì? | .........................................  .......................................... |
| Yếu tố cho biết tính chất tưởng tượng tương lai xa so với thời điểm tác phẩm ra đời. | .........................................  .......................................... |
| Những yếu tố cho thấy người viết có những hiểu biết dựa vào thành tựu của khoa học, không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyền thuyết, cổ tích. | ............................................  ...........................................  ............................................  ............................................  ...........................................  ............................................ |
| **2.Chia sẻ những hiểu biết của bản thân em về văn bản “Bạch tuộc” ?** | Xuất xứ văn bản. | .........................................  .......................................... |
| Cách đọc văn bản | .........................................  .......................................... |
| Đề tài, ý nghĩa nhan đề | .........................................  .......................................... |
| Ngôi kể và tác dụng của ngôi kể | .........................................  .......................................... |
| Tình huống hấp dẫn được mô tả trong văn bản | .........................................  .......................................... |
| Nhân vật xuất hiện trong văn bản | .........................................  .......................................... |
| Nêu bối cảnh mà các nhân vật xuất hiện | .........................................  .......................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi: **PHIẾU HỌC TẬP 1**  (1) Chia sẻ những hiểu biết của em về tác giả Giuyn Véc- nơ  (2) Giới thiệu hiểu biết về tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”  (3) Chia sẻ những hiểu biết của bản thân em về văn bản “Bạch tuộc” trên cơ sở các ý sau:  + Nêu xuất xứ của văn bản  + Cách đọc và các từ ngữ khó cần tìm hiểu..  + Đề tài, ý nghĩa nhan đề  + Ngôi kể và tác dụng của ngôi kể  + Tình huống hấp dẫn được mô tả trong văn bản  + Nhân vật xuất hiện trong văn bản  + Nêu bối cảnh mà các nhân vật xuất hiện  **Yêu cầu thực hiện:**  + Thảo luận cặp đôi thống nhất nội dung cần chia sẻ  + Các cặp đôi cùng lên trả lời: theo hình thức hỏi đáp  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  HS căn cứ nội dung đã chuẩn bị bài thống nhất ý kiến, định hướng cách trình bày.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  Yêu cầu một số cặp đội sẽ cùng lên lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình theo hình thức “Cặp đôi hoàn hảo”  Các cặp đôi khác lắng nghe bổ sung góp ý  **Cặp đôi 1: Trả lời câu hỏi về tác giả và tiểu thuyết “Hai vạn dặm dưới đáy biển**”  + Nêu hoàn cảnh ra đời  + Chỉ ra những yếu tố nào cho thấy người viết có những hiểu biết và dựa vào thành tựu của khoa học, không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyện truyền thuyết, cổ tích.  **Cặp đôi 2: Chia sẻ hiểu biết về văn bản “Bạch tuộc**”  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV và HS đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh và khả năng trình bày trước lớp, sự ăn ý của các cặp đôi khi thuyết trình.  - GV kết luận đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng qua sơ đồ | **II. TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Tác giả**  https://hoc24.vn/source/Ng%E1%BB%AF%20v%C4%83n%207%20-%20Lan/Jules-Verne-1.jpg  - Giuyn Vec- nơ( 1828-1905) là nhà văn nổi tiếng của Pháp.  - Là người đi tiên phong trong thể loại truyện khoa học viễn tưởng và được coi là một trong những “cha đẻ” của thể loại này.  - Ông là người có tác phẩm được dịch nhiều thứ ba trên thế giới, những tác phẩm của ông cũng được chuyển thể thành phim nhiều lần.  **2. Tác phẩm:**  **- Hoàn cảnh ra đời**: Tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” của Véc- nơ ra đời năm 1870. Khi đó, tàu ngầm mới đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai, bạch tuộc cũng chỉ mới được một số người đi biển bắt gặp.  **- Những hiểu biết và thành tựu khoa học:**  + Tàu ngầm mới đang được thử nghiệm  + Bạch tuộc đã được phát hiện.  **- Không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên:**  + Cuộc thám hiểm bằng tàu ngầm mà không phải bằng một phương tiện thần kì.  + Giao chiến với bạch tuộc bằng vũ khí và sức lực của con người, không có sự trợ giúp của thần linh  **2.Văn bản “Bạch tuộc”**  **\*Xuất xứ:**  Trích tiểu thuyết “ Hai vạn dặm dưới đáy biển” của Giuyn Vec-nơ.  **\* Cách đọc:** Chú ý phân biệt lời người kể, lời các nhân vật, ngữ điệu phù hợp theo sự kiện xảy ra  **\* Đề tài:** Kể về trận chiến giữa người trên tàu No-ti-lớt và những con bạch tuộc.  **\* Nhan đề:** “Bạch tuộc”  - Dựđoán nội dung chính của văn bản sẽ có liên quan đến con bạch tuộc:  + Đó có thể là trận chiến với bạch tuộc  + Hoặc là sự phát hiện ra loài bạch tuộc...  \***Tình huống hấp dẫn**: Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, trong gang tấc anh đã được Nê-mô giải cứu.  **\*Ngôi kể:** Ngôi kể thứ nhất (lời kể của nhân vật Tôi).  **\* Bối cảnh mà các nhân vật xuất hiện:**  + Tàu No-ti-lớt lặn sâu xuống biển tới ha, ba ngàn mét và đến ngày 20 tháng 4 lại nổi lên “cách mặt biển một ngàn năm trăm mét”.  + Con tàu bị mắc kẹt, chân vịt không thể quay được nữa.Những người trên tàu ngầm No-ti-lớt chiến đấu với những con bạch tuộc. |

**HOẠT ĐỘNG 2.3. ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Học sinh biết đọc hiểu để nhận biết chi tiết các yếu tố về hình thức của truyện viễn tưởng (tình huống, cốt truyện, nhân vật…) và nội dung (chủ đề và ý nghĩa) của truyện.

**b. Nội dung**: Sử dụng kĩ thuật động não, giao nhiệm vụ cá nhân, thảo luận nhóm học tập hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản để nắm được chi tiết một số yếu tố hình thức, nội dung của truyện khoa học viễn tưởng**.**

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn thiện, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:** Tổ chức hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập qua việc hoàn thiện phiếu học tập 2.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 2:**  **HS đọc đoạn văn bản 1, 2/61+ 62 và trả lời các câu hỏi tìm ý** | |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| (1) Bạch tuộc xuất hiện trong hoàn cảnh nào? |  |
| (2) Lời kể của nhân vật tôi trong đoạn trích có tác dụng gì? |  |
| (3) Cuộc trò chuyện của Nét với Giáo sư A-rôn- nác cho em biết gì về những con bạch tuộc? |  |
| (4) Thực tế con bạch tuộc được thể hiện qua những chi tiết nào? |  |
| (5) Nhận xét cách tác giả thể hiện về con bạch tuộc? Chi tiết nào cho thấy tác giả có trí tưởng tượng phong phú về loài bạch tuộc? |  |
| (6) Nêu ra một số chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc. |  |
| (7) Những chi tiết nào trong đoạn trích “ Bạch tuộc” cho thấy người viết có những hiểu biết dựa vào thành tựu của khoa học? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hoàn cảnh và hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS đọc đoạn văn bản 1, 2/61+ 62  Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi PHIẾU HỌC TẬP 1  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận cặp đôi hoàn thiện cá nhân phiếu học tập đã chuẩn bị.  **Bước 3: Báo cáo,thảo luận**  Đại diện các cặp đôi báo cáo theo kĩ thuật công đoạn  + Cặp đôi 1: Trả lời câu hỏi 1, 2, 3.  + Cặp đôi 2: Trả lời câu hỏi 4,5  + Cặp đôi 3: Trả lời câu hỏi 6,7  Các cặp đôi khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV chiếu trên máy :  + Hoàn cảnh xuất hiện bạch tuộc.  +Hình ảnh bạch tuộc qua cuộc thoại của các thủy thủ và giáo sư.  + Hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện thực tế  Kết luận:  Trong miêu tả của tác giả, có những chi tiết giống với đặc điểm thực tế của loài bạch tuộc, có những chi tiết mang tính tưởng tượng. Khi tác phẩm ra đời, chỉ một số người đi biển mới từng gặp bạch tuộc Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cuộc chiến đấu của các thủy thủ với con bạch tuộc.Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụHọc sinh đọc phần 3 của văn bảnTrả lời cá nhân câu hỏi 1,Thảo luận nhóm PHIẾU HỌC TẬP 2 sau đó các nhóm trả lời câu hỏi 2. | **III. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN** **1. Hình ảnh bạch tuộc** **\* Hoàn cảnh xuất hiện:** + Tàu No-ti-lớt lặn sâu xuống biển tới hai, ba ngàn mét và đến ngày 20 tháng 4 lại nổi lên “*cách mặt biển một ngàn năm trăm mét”.*  **\* Hình ảnh bạch tuộc khổng lồ:**  - Qua lời kể của nhân vật tôi*“Con bạch tuộc khổng lồ”,“dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông”,* đã giới thiệu được về con bạch tuộc tạo ấn tượng và sự tò mò của bạn đọc.  - Cuộc trò cuộc trò chuyện của Nét, Công xây với giáo sư A-rôn-nác: đã gợi cho bạn đọc hình dung về những con bạch tuộc là con vật to lớn, khổng lồ, rất đáng sợ, bí ẩn dưới đại dương.  *+ Con bạch tuộc dài chừng sáu mét.*  *+ Trên đầu có tám cái vòi, ngọ ngoạy trong nước biển như một con rắn.*  *+ Hai hàm của nó rất giống mỏ vẹt, nhưng lớn hơn nhiều*  - Hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện**:**  *+ Dài chừng tám mét*  ***+*** *Nó bơi lùi rất nhanh.*  *+ Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy.*  *+ Tám chân từ đầu mọc ra, dài gấp đôi thân và luôn luôn uốn cong.*  *+ Có hai trăm rưỡi cái giác ở trong vòi.*  *+ Hàm răng giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại.*  *+ Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhọn, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.*  *+Thân hình thoi.*  *+ Nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn.*  *+Màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ.*  *+ Vòi bạch tuộc có khả năng mọc lại.*  -> Bằng trí tưởng tượng phong phú, miêu tả rất cụ thể, chi tiết, rõ ràng, tác giả giúp độc giả hình dung được bạch tuộc là một loài vật đáng sợ - một con vật rất to lớn, như một con quái vật dưới biển sâu...  \* Chi tiết thể hiện trí tưởng tượng rất phong phú về bạch tuộc:  + Bạch tuộc có đuôi và đuôi có thể mọc lại.  + Khối thịt của bạch tuộc nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn.  + Mực đen của bạch tuộc không gây hại cho con người.  \* Những yếu tố cho thấy người viết có những hiểu biết và dựa vào thành tựu của khoa học, không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyện truyền thuyết, cổ tích:  - Dựa vào những hiểu biết và thành tựu khoa học:  +Tàu ngầm mới đang được thử nghiệm  + Bạch tuộc đã được phát hiện  - Không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên:  + Cuộc thám hiểm bằng tàu ngầm mà không phải bằng một phương tiện thần kì.  + Giao chiến với bạch tuộc bằng vũ khí và sức lực của con người, không có sự trợ giúp của thần linh.  **2. Cuộc giao chiến với con bạch tuộc.** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 3:** 1) Đoạn trích kể lại sự kiện gì? Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả là tình huống nào? **(2) Tìm chi tiết thể hiện cuộc chiến đấu của các thủy thủ với những con bạch tuộc?** Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện trong văn bản như thế nào? | |
| **Chi tiết về cuộc chiến đấu của đoàn thủy thủ với con bạch tuộc.** | |
| **Con bạch tuộc** | **Đoàn thủy thủ** |
| ................................ | ............................................................................. |
| 2. **Cuộc giáp chiến với bạch tuộc kết thúc như nào? Tạo sao mắt Nê-mô ứa lệ ?**  …………………………………..........................................................................  ………………………........................................................................................  Nhận xét biểu hiện lòng dũng cảm, tình yêu thương đồng đội của đoàn thủy thủ:  ……………………………………......................................................................  ………………………………….......................................................................... | |
| **3. Em học tập được những gì về nghệ thuật kể, tả của tác giả về trận giao chiến giữa các thủy thủ và con bạch tuộc.**  - Nghệ thuật kể chuyện: ………...............................................................................  - Sử dụng từ ngữ: ……………................................................................................. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh đọc văn bản thực hiện nhiệm vụ theo nhóm học tập.  Giáo viên quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận  Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung | **a. Hoàn cảnh, sự kiện:**  - Con tàu bị mắc kẹt, chân vịt không thể quay được nữa. Những người trên tàu ngầm No-ti-lớt chiến đấu với những con bạch tuộc.  - Tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, trong gang tấc anh đã được Nê-mô giải cứu.  **b. Chi tiết về cuộc giao chiến với bạch tuộc và lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội của các thủy thủ đoàn**. |

**DỰ KIẾN PHIẾU HỌC TẬP 3**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Chi tiết về cuộc chiến đấu của đoàn thủy thủ với con bạch tuộc.** | |
| **Con bạch tuộc** | **Đoàn thủy thủ** |
| *Một cái vòi dài trườn xuống dưới thang như một con rắn, hai chục cái vòi nữa thì ngoằn ngoèo ở phía trên.* | *Sẵn sàng giáp chiến với con bạch tuộc khổng lồ.*  *Thuyền trưởng Nê-mô chặt đứt phăng cái vòi khủng khiếp.* |
| *Một cái vòi lao tới nhấc bổng người thủy thủ lên.* | *Thuyền trưởng Ne-mô chặt đứt phăng cái vòi khủng khiếp.*  *Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba nhà khoa học chiến đấu với những con bạch tuộc khác đang bò trên thành tàu.* |
| *“Phun ra chất lỏng màu đen”, cuốn theo một người thủy thủ xuống biển.* | *“Chúng tôi xông đến lũ bạch tuộc”*  *“Ai nấy đều sôi sục căm thù!”* |
| Một con bạch tuộc quật ngã Nét, định nuốt chửng anh “*Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã hác hốc ra ở phía trên Nét*” | *“Nét Len phóng lao nhọn vào những cái mắt xanh xám của lũ quái vật”*  Nê-mô lao đến cứu Nét *“Lưỡi rìu của Nê-mô cắm phập vào mồm quái vật”*  *“Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngập mũi lao vào tim kẻ thù”.* |
| *“Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lẩn xuống biển sâu”* | *“Thuyền trưởng Nê- mô, mình nhuốm đầy máu đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình. Mắt Nê- mô ứa lệ*” |
| Đàn bạch tuộc hung hãn, tàn bạo, sẵn sàng giết chết đoàn thủy thủ nhưng cuối cùng đã nhận kết cục thua trận, phải chạy trốn xuống biển. | Đoàn thủy thủ dũng cảm, kiên cường chống lại lũ quái vật biển sâu. Trong cuộc chiến đó, ta không chỉ thấy được sự anh dũng mà còn thấy được tinh thần đoàn kết, tình yêu thương. Những người thủy thủ không ngại nguy hiểm để cứu đồng đội của mình, và họ rất đau đớn trước sự hi sinh của một người đồng hương. |
| **2. Biểu hiện lòng dũng cảm, tình yêu thương, tinh thần đồng đội của đoàn thủy thủ.**  - Cuộc giáp chiến kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu.  - Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện qua trận chiến đấu với bạch tuộc:  + Mọi người cùng nhau dùng vũ khí chiến đấu với con quái vật, không ai nề hà run sợ hay lùi bước.  + Thái độ nuối tiếc, xót thương khi có người bị mất tích sau cuộc chiến khốc liệt. | |
| **3. Nghệ thuật kể, tả trận giao chiến**. | |
| - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, kịch tính, hấp dẫn.  - Sử dụng những từ ngữ giàu sức biểu cảm cùng những câu cảm thán bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của người tham gia cuộc chiến.  ->Giúp người đọc hình dung rõ được sự cam go, nguy hiểm của cuộc chiến. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  HS và GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm  GV kết luận về tinh thần đồng đội, dũng cảm, yêu thương của các thủy thủ trong trận chiến  GV hỏi thêm học sinh một số câu hỏi: |  |

**HOẠT ĐỘNG 2.3. HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Khái quát nhận biết về đặc điểm hình thức, nội dung văn bản

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi khái quát ý

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm**  (1) Hãy chỉ ra đặc sắc nghệ thuật của văn bản?  - Xây dựng cốt truyện:  - Tình huống:  - Ngôi kể:  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn thú vị:  - Bối cảnh:  - Ngôn ngữ:  (2) Nêu khái quát nội dung văn bản?  (3)Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học gì khi gặp những tình huống khó khăn và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện suy nghĩ cá nhân  GV động viên, khích lệ học sinh trả lời  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  GV yêu cầu HS trả lời theo kĩ thuật công đoạn 3 học sinh trả lời 3 câu hỏi  HS khác bổ sung**.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV đánh giá và kết luận:  Câu chuyện là bài học về lòng dũng cảm nhắc ta cần có dũng khí khi: dũng cảm, kiên cường và tinh thần đồng đội khi gặp những tình huống khó khăn thử thách trong cuộc sống. Chỉ cần kiên trì và đoàn kết cùng chiến đấu, chúng ta sẽ có sức mạnh phi thường để vượt qua hoạn nạn. | **IV.Tổng kết** **1. Nghệ thuật**  **- Xây dựng cốt truyện**: Dựa trên thành tựu khoa học công nghệ tàu ngầm, bạch tuộc  **- Tình huống**:  + Li kì, hấp dẫn bất ngờ thể hiện sự li kì mạo hiểm của hành trình thám hiểm khám phá đại dương của đoàn thủy thủ và các nhà khoa học.  + Không sử dụng yếu tố thần kì, siêu nhiên.  **- Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất làm cho câu chuyện kể chân thực, bộc lộ cảm xúc của người kể  - **Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn thú vị:** Kết hợp kể, tả, biểu cảm để cuốn hút người đọc.  **- Bối cảnh:** Tạo ra bối cảnh diễn ra trong nhiều ngày, nhiều thời điểm, ở không gian của biển cả rộng hớn, hoành tráng, bí ẩn.  **- Ngôn ngữ**: Ngôn ngữ đối thoại, sử dụng từ ngữ giàu sức gợi hình, gợi cảm và có nhiều từ ngữ bộc lộ cảm xúc, câu cảm thán  **2. Nội dung:**  Qua cuộc chiến đấu dũng cảm của đoàn thủy thủ trên tàu No-ti-lớt với những con bạch tuộc khổng lồ hung dữ. Văn bản thể hiện lòng dũng cảm, kiên cường, trách nhiệm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội của những người thủy thủ.  **3.Bài học cuộc sống**  - Dũng cảm, đối mặt với nguy hiểm khó khăn  - Người kiên cường, dũng cảm, mạnh mẽ sẽ luôn là người chiến thắng.  - Biết yêu thương, sẻ chia giúp đỡ những người gặp khó khăn  - Không nên ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình bỏ mặc người khác.  - Đoàn kết tạo nên sức mạnh để vượt qua khó khăn thử thách vươn đến chiến thắng |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.**

**a. Mục tiêu:** Khắc sâu những hiểu biết vềđặc điểm hình thức, nội dung văn bản

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi khái quát ý

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Trò chơi : “ THỬ TÀI GHI NHỚ ”**  Cách thực hiện: GV thiết kế các mảnh ghép tương ứng với 8 câu hỏi về nội dung bài học.  Hình thành 2 đội chơi, một ban cố vấn để ghi chép, đánh giá góp ý việc trả lời.  Một học sinh quản trò điều hành việc lựa chọn và trả lời các câu hỏi.  **Luật chơi:** Đội 1 sẽ bắt đầu bằng việc lựa chọn mảnh ghép mình yêu thích, thảo luận và trả lời câu hỏi. Đội 2 có nhiệm vụ đánh giá phần trả lời của bạn và góp ý sau đó chọn mảnh ghép tiếp theo và thảo luận trong tổ rồi trả lời. Ban cố vấn sẽ lắng nghe, ghi chép và đánh giá. Cứ thế cho đến khi hai đội trả lời hết các câu hỏi.  Học sinh tham gia trả lời gói câu hỏi củng cố kiến thức liên quan bài học  **Câu 1:**  - Những yếu tố nào của văn bản cho biết tính chất tưởng tượng về một tương lai rất xa so với thời điểm tác phẩm ra đời?  **Câu 2:** Những điều ấn tượng về giáo sư A-rôn-nác?  **Câu 3: Những điều ấn tượng về thuyền trưởng Nê - mô.**  **Câu 4:** Nêu nội dung chính của đoạn trích? Tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là gì?  **Câu 5:** Nêu chi tiết thể hiện sự tưởng tượng phong phú của tác giả về bạch tuộc?  **Câu 6.** Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện trong văn bản như thế nào?  **Câu 7.** Cuộc giáp chiến với bạch tuộc kết thúc như nào? Tạo sao mắt Nê- mô ứa lệ**?**  **Câu 8:** Bài học cuộc sống rút ra từ văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh tích cực tham gia **trả lời câu hỏi của trò chơi**  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  -HS trả lời cá nhân các câu hỏi trò chơi bằng cách lựa chọn mảnh ghép để trả lời câu hỏi tương ứng.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  Giáo viên và học sinh cùng đánh giá mức độ hoàn thành của các đội chơi. | **Câu 1: Nội dung văn bản và yếu tố thể hiện tính chất tưởng tượng về một tương lai xa so với thời điểm tác phẩm ra đời.**  - Tác giả viết về trận chiến giữa người trên tàu No-ti-lớt và những con bạch tuộc.  - Tác phẩm “*Hai vạn dặm dưới đáy biển”* của Véc-nơ ra đời năm 1870. Khi đó, tàu ngầm mới đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai; bạch tuộc cũng chỉ mới được một số người đi biển bắt gặp.  **Câu 2: Điểm ấn tượng về nhân vật giáo sư A-rôn- nác.**  -Nhân vật nào trong đoạn trích *Bạch tuộc*để lại cho em nhiều ấn tượng nhất là nhân vật giáo sư A-rôn-nác.  - Miêu tả chân dung nhân vật này: Trong tưởng tượng của em, giáo sư A-rôn-nác là một người uyên bác. Ông có một bộ râu quai nón cùng mái tóc xoăn đẹp đẽ. Người ông hơi mập mạp. Ông đeo kính, hay đọc sách, ghi chép những điều mình suy nghĩ và khám phá được. Ông cũng rất thân thiện, cởi mở với mọi người. Dựa vào hiểu biết của mình, ông đã giảng giải nhiều kiến thức cho người khác.  **Câu 3: Điều ấn tượng về nhân vật thuyền trưởng Ne-mo**.  Nhân vật mà em ấn tượng nhất trong văn bản là thuyền trưởng Ne-mo. Trong tưởng tượng của em, Nê-mô là một người đàn ông cao lớn, khỏe mạnh với vầng trán cao và ánh mắt sáng. Ông đã điều khiển cả con tàu, yêu thương gắn bó từng con người và bộ phận của chiếc tàu kỳ diệu đã giúp họ khám phá vô số những bí mật dưới đáy đại dương.  **Câu 4:** Đoạn trí “Bạch tuộc” kể lại sự kiện chiến đấu của những người trên tàu ngầm No-ti-lớt với những con bạch tuộc.  - Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, trong gang tấc anh đã được Nê-mô giải cứu  **Câu 5.** Một số chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc:  - Bạch tuộc có đuôi và đuôi có thể mọc lại.  - Khối thịt của bạch tuộc nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn.  - Mực đen của bạch tuộc không gây hại cho con người.  **Câu** **6.**  - Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện qua trận chiến đấu với bạch tuộc:  + Mọi người cùng nhau dùng vũ khí chiến đấu với con quái vật, không ai nề hà run sợ hay lùi bước.  + Thái độ nuối tiếc, xót thương khi có người bị mất tích sau cuộc chiến khốc liệt.  **Câu 7**  - Cuộc giáp chiến kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu.  - Mắt Nê-mô ứa lệ vì một con bạch tuộc đã dùng vòi quấn chặt lấy một thủy thủ. Sau khi chỉ còn một chiếc vòi quấn chặt lấy thủy thủ ấy, nó đã lặn xuống biển sâu. Người thủy thủ đã vĩnh viễn ra đi.  **Câu 8.**Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học khi gặp những tình huống khó khăn và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống cần phải hiểu được khó khăn, thử thách, phải dũng cảm đối đầu và sẽ nhờ cậy người khác khi thực sự cần sự trợ giúp |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

**b. Nội dung**: [GV sử dụng kỹ thuật](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D)  giao nhiệm vụ, yêu cầu HS làm việc cá nhân, hoàn thiện bảng KWLH đã thực hiện phần mở đầu.

**c. Sản phẩm:** Bảng KWLH hoàn thiện

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV treo bảng KWLH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cột K:**  Liệt kê những điều em đã biết về truyện khoa học viễn tưởng | **Cột W:** Liệt kê những điều em muốn biết thêm về truyện khoa học viễn tưởng | **Cột L:** Liệt kê những điều em đã biết được từ bài học về truyện khoa học viễn tưởng | **Cột H:** Liệt kê những điều em sẽ tiếp tục tìm hiểu về truyện khoa học viễn tưởng. |
|  |  |  |  |

**Giao nhiệm vụ**:

**Nhiệm vụ 1:** Hoàn thiện cột L,H trong bảng KWLH

**Nhiệm vụ 2:** Tìm đọc một văn bản thuộc truyện viễn tưởng và tìm hiểu văn bản trên cơ sở những điều em đã biết khi đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng:

+ Nhận biết một số yếu tố hình thức (Sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh…)

+ Nhận biết nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa câu chuyện)

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU 3. ĐỌC HIỂU TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG** | |
| **Tên tác phẩm ( văn bản).......................................................**  **Tác giả:..................................................................................** | |
| **- Đề tài, chủ đề** |  |
| **- Sự kiện** |  |
| **- Tình huống** |  |
| **- Cốt truyện** |  |
| **- Nhân vật** |  |
| **- Bối cảnh** |  |
| **- Chủ đề, ý nghĩa tác phẩm** |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Bài 1: HS thực hiện cá nhân và báo cáo tại lớp cuối giờ

Bài 2: Học sinh thực hiện ở nhà

HS thực hiện cá nhân trên lớp bài 1, còn bài

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**HS báo cáo cá nhân bài 1**

Bài 2 học sinh thực hiện ở nhà báo cáo bằng phiếu học tập hoặc vi deo trình chiếu

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV trên cơ sở kết quả sản phẩm học tập của học sinh đánh giá năng lực đọc hiểu và ý thức tự học của các con.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

Hoàn thiện các bài tập “Nhân vật nào trong đoạn trích“Bạch tuộc” để lại cho em nhiều ấn tượng nhất? Hãy miêu tả (khoảng 4 - 5 dòng) hoặc vẽ trên giấy chân dung nhân vật này?

- Ôn tập kiến thức về truyện, thơ bốn chữ, năm chữ chuẩn bị kiểm tra theo lịch của trường

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn: 15/10/2024** | **Dạy** | **Ngày** | **01/11 /2024**  **02/11 /2024** |
| **Tiết** | **1,4** |
| **Lớp** | **7B** |

**Tuần: 08 Tiết: 31-32**

**ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**Thời gian dự kiến: 02 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Học sinh củng cố năng lực ngữ văn (đọc hiểu, viết) theo mục tiêu bài học 1,2,3

- Học sinh được ôn tập, củng cố toàn bộ kiến thức ngữ văn về truyện ngắn và tiểu thuyết, thơ bốn chữ, năm chữ, truyện khoa học viễn tưởng.

- Củng số tri thức về ngôn ngữ vùng miền

- Học sinh được củng cố cách viết bài văn kể về sự việc liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Biết vận dụng kiến thức ngữ văn đã được phát triển ở bài 1,2,3 để làm đề tổng hợp hiệu quả.

**2. Năng lực**

\* **Năng lực chung:**

- Năng lực đọc và tổng hợp thông tin

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,...

**\* Năng lực đặc thù**

- Học sinh được phát huy khả năng tự chủ tự học

**2. Phẩm chất:** Học sinh được bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu gia đình, trân trọng những người đã có công sinh thành, dạy dỗ, có công lao trong việc tạo dựng các giá trị của cuộc sống

**II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1. Phương tiện**

- Máy tính, máy chiếu (Ti vi),

**2. Học liệu:**

- Các câu hỏi kiểm tra kiến thức

**III. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

- Khơi gợi hệ thống kiến thức ngữ văn đã học ở bài 1,2,3 giúp học sinh bước vào ôn luyện hiệu quả.

**b. Nội dung:** Qua đàm thoại gợi mở hệ thống kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS nhắc lại các mục tiêu về năng lực ngữ văn đã được phát triển khi các em học tập bài 1,2,3.

1. Nêu mục tiêu môn ngữ văn muốn phát triển cho các em về năng lực đọc, viết

qua các bài học ngữ văn 1,2,3

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ trả lời cá nhân câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS trả lời câu hỏi và các HS khác lắng nghe, bổ sung cho bạn

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV đánh giá phần trả lời câu hỏi của HS

Kết luận về mục tiêu môn học học sinh đã được phát triển ở bài học 1,2,3

**-Năng lực đọc**:

+ Đọc hiểu các văn bản truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ bốn chữ, năm chữ. Nhận biết được nội dung hình thưc hình thức của truyện ngắn và tiểu thuyết, thơ bốn chữ, năm chữ; truyện khoa học viễn tưởng.

-**Năng lực viết:**

+ Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử;

+ Bước đầu làm được bài thơ bốn chữ, năm chữ, viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

+ Bước đầu làm được đoạn văn biểu cảm về con người hoặc sự việc

+ Nhận biết và vận dụng được ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản truyện ngắn, tiểu thuyết.

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh được củng cố kĩ năng đọc hiểu văn bản: truyện, thơ bốn chữ năm chữ

- Học sinh được thực hành viết đoạn văn trình bày cảm xúc về đoạn thơ, bài thơ hoặc người mà bản thân yêu mến.

**b. Nội dung:** Học sinh ôn luyện các dạng bài cụ thể dưới sự định hướng của giáo viên

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của học sinh

**b. Tổ chức hoạt động.**

GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi toàn bộ tri thức ngữ văn cần ghi nhớ đã được phát triển và rèn luyện ở bài học 1,2,3.

**HOẠT ĐỘNG 2.1. ÔN TẬP TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS thảo luân cặp đôi, kết hợp kĩ thuật đàm thoại gợi mở, yêu cầu HS trả lời hình thức cặp đôi các câu hỏi liên quan mục tiêu ngữ văn cần hướng tới.  (1) Chia sẻ cách đọc hiểu truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng), thơ “ bốn chữ, năm chữ)  (2) Trong quấ trình đọc hiểu cần nhận biết và hiểu kiến thức tiếng Việt nào  (3) Chia sẻ yêu cầu viết cần đạt của bài học 1,2,3? | **I. KIẾN THỨC NGỮ VĂN**  **1. Đọc hiểu văn bản: truyện ngắn tiểu thuyết**  - Nêu cảm nhận khái quát về văn bản.  - Nhận diện được đặc điểm chung của văn bản, thấy được các yếu tố hình thức, nội dung của văn bản.  + Bối cảnh  + Ngôi kể, sự thay đổi ngôi kể  + Ngôn ngữ vùng miền.  + Nhân vật- cách thể hiện nhân vật (Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại, qua ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, qua lời người kể chuyện)  + Đề tài, chủ đề, ý nghĩa văn bản (lòng yêu nước và tình cảm nhân ái, nhân bản...)  - Biết phân tích, tìm hiểu sâu giá trị nội dung của văn bản  - Biết vận dụng nâng cao: Liên hệ so sánh kết nối (văn bản- văn bản, văn bản – cuộc sống, văn bản với chính bản thân)  **Lưu ý:** Kết nối mở rộng với văn bản biểu hiện của lòng yêu nước và tình cảm nhân ái, nhân bản.  **2. Đọc hiểu văn bản thơ bốn chữ, năm chữ**  - Nêu cảm nhận khái quát về văn bản.  - Nhận diện được đặc điểm chung của văn bản, thấy được các yếu tố hình thức, nội dung của văn bản  + Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ, năm chữ (Số lượng, dòng, chữ, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...)  + Nội dung: đề tài, chủ đề, những tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua bài thơ.  - Biết phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ  - Biết phân tích, tìm hiểu sâu giá trị nội dung của văn bản  - Biết vận dụng nâng cao: Liên hệ so sánh kết nối (văn bản- văn bản, văn bản – cuộc sống, văn bản với chính bản thân)  **Lưu ý:**  Quan tâm đọc hiểu văn bản:  +Thể hiện những nỗi xúc động của người viết về tình cảm gia đình  +Tác phẩm nhắc nhở sự trân quý các giá trị truyền thống của dân tộc.  **3. Đọc hiểu văn bản truyện khoa học viễn tưởng.**  - Nêu cảm nhận khái quát về văn bản.  - Nhận diện được đặc điểm chung của văn bản, thấy được các yếu tố hình thức, nội dung của văn bản  **+** Nhận biết được một số yếu tố hình thức (Sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh...)  + Nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa) của truyện khoa học viễn tưởng.  - Biết phân tích, tìm hiểu sâu cơ sở khoa học và tính chất viễn tưởng của truyện.  - Biết vận dụng nâng cao: Liên hệ so sánh kết nối (văn bản- văn bản, văn bản – cuộc sống, văn bản với chính bản thân) từ đó biết trân trọng những ý tưởng khoa học; lòng dũng cảm, tình yêu thiên nhiên, thích khám phá, thích tưởng tượng và sáng tạo;  **Lưu ý:**  - Đề tài của truyện khoa học viễn tưởng thường gắn với các lĩnh vực khoa học như công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng Trái Đất...  - Sự kiện trong truyện khoa học viễn tưởng có thể bắt đầu từ sự kiện có thật; từ đó, nhà văn hình dung, tưởng tượng ra câu chuyện.  - Tình huống trong truyện khoa học viễn tưởng thường đột ngột, có phần li kì, mạo hiểm...  - Cốt truyện trong tác phẩm khoa học viễn tưởng thường gắn với các sự kiện khoa học và công nghệ; với những sự kiện “đi trước thời gian”, những tình huống độc đáo, táo bạo, bất ngờ... Nhân vật trong truyện khoa học viễn tưởng thường là những con người thông thái (nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế...) trong các lĩnh vực mà tác phẩm đề cập  **4. Kiến thức Tiếng Việt**  - Nhận biết được ngôn ngữ vùng miền và đặc sắc ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản truyện ngắn, tiểu thuyết.  - Nhận diện, phân tích biện pháp tu từ trong thơ:  **5. Viết**  **a. Viết bài văn tự sự**  Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử đảm bảo theo các bước một cách sáng tạo.  **\* Mở bài:** Nêu tên nhân vật hoặc sự việc đặc sắc mà em muốn viết  **\* Thân bài:** Lần lượt nêu những cảm xúc và suy nghĩ từ khái quát đến cụ thể  - Nêu cảm xúc chung về con người sự việc  - Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ về con người, sự việc  - Rút ra bài học từ nhân vật sự việc  **\* Kết bài:**  Khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về con người hoặc sự việc được nói đến trong bài văn  **b. Viết đoạn văn**  **b.1.Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.**  **- Mở đoạn:** Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ, dẫn ra yếu tố nội dung nghệ thuật đặc sắc mà mình yêu thích.  **- Thân đoạn:**  Nêu cụ thể cảm xúc của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn.  **- Kết đoạn:** Khái quát lại suy nghĩ của bản thân về yếu tố đã mạng lại cảm xúc ấy. |

**HOẠT ĐỘNG 2.2. LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh làm đề tổng hợp để củng cố, nâng cao kĩ năng làm bài theo mục tiêu bài học 1,2,3

**b. Nội dung:**

**-** GV phát đề bài (chiếu đề)

- HS thực hiện cá nhân, thảo luận chung để cùng thống nhất yêu cầu trả lời.

**c. Sản phẩm :** Câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:** GV cho HS làm đề tổng hợp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **ĐỀ BÀI.**  **I. Đọc hiểu (6 điểm)**  **Đọc bài thơ sau:**  *Cả mùa đông lạnh giá*  *Mặt Trời trốn đi đâu*  *Cây khoác tấm áo nâu*  *Áo trời thì xám ngắt.*  *Se sẻ giấu tiếng hát*  *Núp sâu trong mái nhà*  *Cả chị ong chăm chỉ*  *Cũng không đến vườn hoa.*  *Mưa phùn giăng đầy ngõ*  *Bảng lảng như sương mờ*  *Bếp nhà ai nhóm lửa*  *Khói lên trời đung đưa.* | **NẮNG HỒNG**  Bảo Ngọc  *Ngõ quê in chân nhỏ*  *Lối quê gió lạnh đầy*  *Nép mình trong áo ấm*  *Vẫn cóng buốt bàn tay.*  *Màn sương ôm dáng mẹ*  *Chợ xa đang về rồi*  *Chiếc áo choàng màu đỏ*  *Như đốm nắng đang trôi.*  *Mẹ bước chân đến cửa*  *Mang theo giọt nắng hồng*  *Trong nụ cười của mẹ*  *Cả mùa xuân sáng bừng.*  (In trong *Gõ cửa nhà trời*, NXB Kim Đồng, 2019) |   ***Ghi vào bài chữ cái mà em lựa chọn trả lời cho câu hỏi 1- 8 và tự trả lời câu hỏi 9, 10 vào bài làm.***  **Câu 1.** Ý nào nói đúng nhất về phương thức biểu đạt chính của bài thơ??  A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận  **Câu 2.** Nội dung chính của bài thơ?  A. Cảm xúc về mẹ C. Cảm xúc về mùa đông  B. Cảm xúc về sự vật trong mùa đông D. Cảm xúc về mùa đông và mẹ  **Câu 3:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng nhiều nhất trong bài thơ?  A. So sánh B. Nhân hóa C. Ẩn dụ D. Hoán dụ  **Câu 4.** Dòng thơ nào sau đây có sử dụng phó từ   1. *Cả mùa đông lạnh giá C. Áo trời thì xám ngắt*   *B.Chợ xa đang về rồi D.Khói lên trời đung đưa.*  **Câu 5.** Ý nào nói đúng nhất ý nghĩa khổ cuối bài thơ?   1. *Mẹ đem đến ấm áp, yêu thương xua tan giá lạnh mùa động* 2. *Mẹ là người luôn hi sinh cho con* 3. *Mùa đông đến mẹ phải chịu nhiều vất cả* 4. *Mùa đông là mùa đem đến cho mẹ nhiều niềm vui*   **Câu 6.** Ý nào nói đúng nhất về gieo vần trong bài thơ?  A.Vần chân, cố định, gieo liên tiếp  B. Vần lưng, cố định, gieo liên tiếp  C. Vần lưng, theo cặp, xen kẽ, hoàn đổi.  D. Vần chân, theo cặp, xen kẽ, hoàn đổi.  **Câu 7.** *Hình ảnh “Áo trời thì xám ngắt” là biểu hiện của biện pháp tu từ nào?*   1. Nhân hóa B. So sánh C. Hoán dụ D. Ẩn dụ   **Câu 8.** Trong bài thơ em thích hình ảnh nào nhất? Vì sao?  **Câu 9.** Từ cách viết của tác giả trong bài thơ, em học được điều gì về cách làm một bài thơ bốn chữ, năm chữ. |

**BIỂU ĐIỂM, ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I | **ĐỌC-HIỂU** | | |
| 1 | C | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | B | 0,5 |
| 4 | B | 0,5 |
| 5 | A | 0,5 |
| 6 | D | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | - Học sinh nêu được hình ảnh thơ mà bản thân yêu thích  - Lí giải được lí do yêu thích. | 0,5  0,5 |
| 9 | - Miêu tả từng hiện tượng thiên nhiên và cuộc sống kết hợp thể hiện cảm xúc.  - Thể hiện sự sống động bằng các biện pháp nghệ thuật nhân hoá, so sánh, ẩn dụ.  - Sử dụng những hình ảnh thể hiện sự liên tưởng bất ngờ, thú vị. | 0,5  0,5 |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học bài: Học sinh ôn luyện nắm vững mục tiêu kiến thức ngữ văn

- Làm bài tập:

+ Hoàn thiện đề bài đã hướng dẫn

+ Làm bài tập đọc hiểu:

**Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi**

|  |  |
| --- | --- |
| **LỜI CỦA CÂY**    *Khi đang là hạt*  *Cầm trong tay mình*  *Chưa gieo xuống đất*  *Hạt nằm lặng thinh.*  *Khi hạt nảy mầm*  *Nhú lên giọt sữa*  *Mầm đã thì thầm*  *Ghé tai nghe rõ.*  *Mầm tròn nằm giữa*  *Vỏ hạt làm nôi*  *Nghe bàn tay vỗ*  *Nghe tiếng ru hời.* | **Trần Hữu Thung**  *Mầm kiêng gió bắc*  *Kiêng nhất mưa giông*  *Nghe mầm mở mắt*  *Đón tia nắng hồng.*  *Khi cây đã thành*  *Nở vài lá bé*  *Lá nghe màu xanh*  *Bắt đầu bập bẹ.*  *Rằng các bạn ơi*  *Cây chính là tôi*  *Nay mai sẽ lớn*  *Góp xanh đất trời.*  (In trong *Những bài thơ em yêu*, Phạm Hổ, Nguyễn Nghiệp tuyển chọn, NXB Giáo dục, 2004) |

**Câu 1.** Quá trình sinh trưởng của hạt được tác giả thể hiện qua 5 khổ thơ đầu bởi những âm thanh, hình ảnh nào? Qua đó, thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của tác giả đối với những mầm cây?

**Câu 2.** Xác định các biện pháp tu từ tác giả sử dụng trong 5 khổ thơ đầu? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?

**Câu 3.** Nhận xét về cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ trên? Nêu tác dụng của cách vần, nhịp đó trong việc thể hiện lời của cây?

**Câu 4.** Khổ 6 tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Qua đó hãy cho biết cây muốn gửi gắm điều gì đến bạn đọc?

**Câu 5.** Nêu chủ đề và thông điệp của bài thơ “Lời của cây”.

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**Câu 1.** Quá trình sinh trưởng của hạt được tác giả thể hiện qua 5 khổ thơ đầu bởi những âm thanh, hình ảnh:

- Khổ 1: *hạt nằm lặng thinh*.

- Khổ 2: *mầm nhú lên giọt sữa, thì thầm*.

- Khổ 3: *mầm tròn nằm giữa, vỏ hạt làm nôi.*

- Khổ 4: *mầm mở mắt, đón tia nắng hông.*

- Khổ 5: *cây đã thành, lá xanh bập bẹ.*

- Tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với những mầm cây: nâng niu, gắn bó, yêu quý…

**Câu 2.** Xác định các biện pháp tu từ tác giả sử dụng trong 5 khổ thơ đầu và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó.

**- Khổ 1:** Hạt nằm lặng thinh. => Nghệ thuật nhân hoá, một hạt giống khi chưa được gieo xuống đất nên chưa có dấu hiệu của sự sống, sự im lặng thoáng chút buồn, chút chờ đợi. Bởi vậy, nhà thơ chưa cảm nhận thấy âm thanh sự sống của hạt mầm.

**- Khổ 2:** Hạt nảy mầm - “nhú lên giọt sữa”: => Nghệ thuật ẩn dụ, mầm như *giọt sữa* đang nhú ra khỏi lớp vỏ của hạt tinh khôi, căng mọng, mỡ màng => cảm giác như một thân thể non tơ, cần nâng niu, bảo vệ. Mầm “thì thầm” – tác giả “ghé tai nghe rõ” => Từ sự *lặng thinh* ở khổ 1, mầm đã cất tiếng *thì thầm* khiến nhà thơ *ghé tai nghe rõ* => Lời thì thầm ấy như là hơi thở cuộc sống, như tiếng khóc của em bé khi chào đời, tác giả *ghé tai nghe rõ* dấu hiệu của sự sống đang tồn tại, phải chăng tiếng *thì thầm* ấy cũng là *lời cảm ơn* của hạt mầm đối với người gieo hạt.

**- Khổ 3:**

+ *Mầm tròn nằm giữa* – *vỏ hạt làm nôi* => Mầm như một em bé non nớt, đang được bao bọc, che chở trong “vòng tay” của vỏ hạt.

+ Mầm tròn nằm giữa “nôi” - *nghe bàn tay vỗ, nghe tiếng ru hời* - mầm như em bé đang nằm trong nôi được cưng nựng, âu yếm, vỗ về, hát ru.

**- Khổ 4:**

+ Mầm kiêng gió bắc, mưa giông -> những yếu tố ảnh hưởng không tốt đến sự sống, phát triển của hạt mầm -> tác giả đã rất am hiểu, tránh cho hạt mầm những yếu tố bất lợi đó.

+ Từ đó, hạt mầm mở mắt, đón tia nắng hồng -> quá trình sinh trưởng đầy thử thách nhưng cũng đầy ánh sáng và niềm vui.

**- Khổ 5:**

+ Nở vài lá bé -> hạt mầm lớn lên, phát triển từng ngày -> xuất hiện “màu xanh”- màu của sự sống, đâm chồi nảy lộc.

+ Màu xanh ấy – bắt đầu “bập bẹ” -> Nghệ thuật nhân hoá. Từ âm thanh *thì thầm* -> mầm cất lên thành tiếng “bập bẹ” cùng với sự lớn lên của mình => mầm như em bé, đến tuổi tập nói, mang những tiếng bi bô, trìu mến đến với thế giới này.

=> Nhà thơ quan sát, vỗ về, chăm chút cho hạt mầm như chăm sóc một em bé sơ sinh đang lớn lên từng ngày. Nhà thơ có sự quan sát kĩ càng, tỉ mỉ và chịu khó lắng nghe mới có thể am hiểu quá trình này tường tận như thế. Qua đó, thể hiện cảm xúc yêu thương, trìu mến, nâng niu của tác giả đối với những mầm cây, sự giao cảm tinh tế của nhà thơ với cảnh vật.

**Câu 3.**

**-** Nhận xét về cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ và nêu tác dụng:

+ Vần: vần chân (*mình - thinh, mầm - thầm, dông - hồng, thành - xanh, bé - bẹ, ơi - trời*).

+ Tác dụng: Làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc; tạo nên sự kết dính trong văn bản, tạo độ ngân vang cho “*lời của cây*” trong tâm hồn người đọc

+ Nhịp: chủ yếu nhịp 2/2 đều đặn như nhịp đưa nôi, vừa diễn tả nhịp điệu êm đềm của đời sống cây xanh, vừa thể hiện cảm xúc yêu thương, trìu mến của tác giả. Ngoài ra, một số dòng nhịp 1/3 (*Nghe/bàn tay vỗ; nghe/tiếng ru hời*) -> Mầm như một em bé đang được âu yếm, vỗ về bằng những âm thanh trong cuộc sống.

**Câu 4.** Khổ 6 tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật: Nhân hoá.

- Cách xưng hô tôi - các bạn -> tạo nên mối quan hệ thân thiết giữa cây và con người.

- Cách ngắt nhịp 1/3: *Rằng/các bạn ơi* -> nhấn mạnh vào khao khát của cây khi cây muốn được con người hiểu và giao cảm.

=> Cây muốn con người hiểu rằng khi lớn lên, cây muốn đóng góp màu xanh của mình vào thiên nhiên, vào mùa xuân cuộc đời để tô thắm thêm cho mùa xuân ấy trở nên đẹp và tươi mới hơn.

**Câu 5.** Nêu chủ đề và thông điệp của bài thơ “Lời của cây”.

- Chủ đề: Bài thơ thể hiện niềm yêu thương, trân trọng những mầm xanh thiên nhiên.

- Thông điệp:Hãy lắng nghe lời của cỏ cây, loài vật để biết yêu thương, nâng đỡ sự sống ngay từ khi sự sống ấy mới là những mầm sống; mỗi con người, mỗi sự vật dù là nhỏ bé đều góp phần tạo nên sự sống như hạt mầm góp màu xanh cho đất trời

**ĐỀ 3:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**TRĂNG ƠI… TỪ ĐÂU ĐẾN?**

**Trần Đăng Khoa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ cánh rừng xa*  *Trăng hồng như quả chín*  *Lửng lơ lên trước nhà*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay biển xanh diệu kì*  *Trăng tròn như mắt cá*  *Chẳng bao giờ chớp mi* | *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ một sân chơi*  *Trăng bay như quả bóng*  *Bạn nào đá lên trời*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ lời mẹ ru*  *Thương Cuội không được học*  *Hú gọi trâu đến giờ* | *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ đường hành quân*  *Trăng soi chú bộ đội*  *Và soi vàng góc sân*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Trăng đi khắp mọi miền*  *Trăng ơi có nơi nào*  *Sáng hơn đất nước em…* |

**1968**

**(Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời,***

**NXB Văn hóa dân tộc)**

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Bài thơ “Trăng ơi… từ đâu đến?” được viết theo thể thơ nào?

A. Tự do. B. Lục bát. C. Bốn chữ. D. Năm chữ.

**Câu 2**. Bài thơ có cách gieo vần như thế nào?

A.Gieo vần lưng. B. Gieo vần chân.

C. Gieo vần lưng kết hợp vần chân. C. Gieo vần linh hoạt.

**Câu 3.** Ở khổ thơ thứ nhất, trăng được so sánh với hình ảnh nào?

A. Quả chín. B. Mắt cá. C. Quả bóng. D. Cánh rừng xa.

**Câu 4.** Từ “Lửng lơ” thuộc loại từ nào?

A**.** Từ ghép. B. Từ láy. C. Từ đồng nghĩa. D. Từ trái nghĩa.

**Câu 5.** Hình ảnh vầng trăng gắn liền với các sự vật (quả chín, mắt cá, quả bóng…) cho em biết vầng trăng được nhìn dưới con mắt của ai?

A. Bà nội. B. Người mẹ. C. Cô giáo. D. Trẻ thơ.

**Câu 6.** Tác dụng *chủ yếu* của phép tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ: “Trăng bay như quả bóng” là gì ?

A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.

B. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.

C. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.

D. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

**Câu 7.** Theo em, dấu chấm lửng trong câu thơ“Trăng ơi… từ đâu đến?” có công dụng gì ?

A. Tỏ ý còn nhiều sự vật hiện tượng chưa liệt kê hết.

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, hay ngập ngừng, ngắt quãng.

C. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước, châm biếm.

D. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.

**Câu 8.** Bài thơ“Trăng ơi… từ đâu đến?” thể hiện tình cảm gì của nhân vật trữ tình ?

A. Nhân vật trữ tình yêu trăng theo cách độc đáo.

B. Trăng ở quê hương của nhân vật trữ tình là đẹp nhất.

C. Yêu mến trăng, từ đó bộc lộ niềm tự hào về đất nước của nhân vật trữ tình.

D. Ánh trăng ở quê hương nhân vật trữ tình đặc biệt, không giống ở nơi khác.

**Câu 9.** Em hiểu như thế nào về câu thơ(trình bày bằng đoạn văn từ 3 đến 5 câu) :

“Trăng ơi có nơi nào.

Sáng hơn đất nước em…”?

**Câu 10.** Từ tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ, hãy bộc lộ tình cảm của em với quê hương, đất nước.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.

**Sản phẩm dự kiến**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | D | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý: Qua hình ảnh trăng, nhân vật tin rằng trăng trên đất nước mình là đẹp nhất. Nhân vật trữ tình tự hào về hình ảnh ánh trăng sáng lung linh cùng những cảnh vật tuyệt đẹp, những con người bình dị, gần gũi của đất nước mình. | 1,0 |
| **10** | HS nêu được những tình cảm mà mình cảm nhận được từ bài thơ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | a. Đảm bảo bố cục bài văn tự sự gồm 3 phần: MB, TB, KB. | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề. |  |
|  | Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu. | 0,25 |
|  | C. Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu. |  |
|  | Hs có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu sự việc có liên quan đến nhân vật lịch sử.  - Các sự việc chính bắt đầu - diễn biến - kết thúc.  - Suy nghĩ của em về sự việc đó. | 0.5  0.5  2.0  0.5 |

GV hướng dẫn hs ôn tập để làm bài thi giữa kì I.

====================================